

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **120 /2018/HS-PT**

Ngày: 17/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Bà **Trần Thị Thanh Tuyết**.

Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 116/2018/HSPT ngày 19/7/2018 đối với bị cáo Đỗ Phan T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố A1, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Phan T (Tý) - sinh năm: 1989 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 08 đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Xuân Đ và bà Phan Thị Ph; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 23/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Duy Kh (Chíp) - sinh năm: 1989 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 72/15 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Tấn Tr và bà Phan Thị Ph; vợ (không đăng ký kết hôn): Trương Nguyễn O, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2011 đến ngày 23/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lưu Nguyễn Như X - sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 141 đường Q, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn:

12/12; con ông Lưu Tấn C và bà Nguyễn Thị N; vợ: Bùi Huỳnh T; có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 23/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trương H - sinh năm: 1991 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 156 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 30/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trần V - sinh ngày 30/6/1992 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Tổ 15 H, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Mỹ N và bà Nguyễn Thị S; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 20/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo chết ngày 13/7/2018.

6. Nguyễn Văn H - sinh ngày 15/7/1992 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Tổ 10, thị trấn G, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Diệp Ch tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2011 đến ngày 30/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Hà Phan Tiến Th (Tý), sinh ngày 05/01/1993 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 07/D3 Chung cư B, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hà Tất Đ và bà Phan Thị M; vợ: Trần Ngọc Q (1994), có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2011 đến ngày 20/9/2011 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị thua tiền khi đánh bạc với nhóm của Lê Văn Nh và Lê Văn P, Đỗ Phan T và Lưu Nguyễn Như X đến gặp Phạm Duy Kh để nhờ tìm người biết đánh bạc bịp đến chơi với nhóm của Nh, P nhằm gỡ lại. Kh không tìm được người đánh bạc bịp nên đã bàn với T và X cướp sòng bạc của nhóm Nh và Ph, T và X cùng đồng ý. Phạm Duy Kh, Đỗ Phan T và Lưu Nguyễn Như X cùng thống nhất: T và X trực tiếp vào tham gia đánh bạc tại sòng bạc của Nh và Ph, sau đó sẽ thông báo cho Kh biết cụ thể thời gian và địa điểm. Sau đó, Kh chuẩn bị một số hung khí gồm mã tấu, ba trắc, roi điện, túi xách, băng keo để thực hiện việc cướp tài sản tại sòng bạc rồi rủ thêm Trương H, Trần V, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến

Th và Y (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng tham gia cướp tài sản tại sông bạc thì tất cả đều đồng ý.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/01/2011, T dùng điện thoại của X thông báo cho Kh biết đang đánh bạc cùng với nhóm của Nh, P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Hiền Ch, Hoàng Trọng N, Lê Nguyễn T1, Nguyễn Thanh H, Lương Khắc L, Trần Mai Ph, Đinh Võ Tiến Đ, Lê Thị Thanh T, Trần Văn L1, Trần Thị A, Nguyễn Vũ L1, Văn Thị Mỹ L2, Nguyễn Lê H, Lê Minh N, Nguyễn Hoàng T1, Lê Minh P1 tại phòng 901 khách sạn TL, số 28A đường H, thành phố N. Sau khi được T thông báo địa điểm, Phạm Duy Kh, Trương H, Trần V, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th và đối tượng tên Y cùng đi xe máy đến Khách sạn TL, số 28A đường H. Khi đến nơi, Kh đứng bên ngoài coi xe và cảnh giới, còn lại Hòa, H, Việt, Th và Y mang theo mã tấu, ba trắc, roi điện, túi xách, băng keo xông vào phòng 901 khống chế những người đang đánh bạc tại đây để chiếm đoạt tài sản, gồm: 15 điện thoại các loại, 02 sợi dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng trắng, 01 dây chuyền bằng inox, 01 đôi bông tai vàng trắng, 02 đồng hồ đeo tay và số tiền **50.150.000đ**. Sau khi chiếm đoạt được số tài sản này, cả nhóm đã dùng băng keo trói một số người đánh bạc lại rồi bỏ đi.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 29/7/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 03 ĐTDĐ Iphone 4G; 01 ĐTDĐ Iphone 3G; 01 ĐTDĐ Nokia 1650; 01 ĐTDĐ Nokia 1661; 02 ĐTDĐ Nokia 1202; 02 ĐTDĐ Nokia 1200; 01 ĐTDĐ Sony Ericsson - S500i; 01 điện thoại bàn không dây Miswi; 01 ĐTDĐ Nokia 1280; 01 ĐTDĐ Nokia 3110; 01 dây chuyền bằng inox; 01 dây chuyền vàng trắng 30%; 01 dây chuyền vàng trắng 50%; 01 dây chuyền vàng tây 50%; 01 bông tai vàng trắng 50%; 01 nhẫn vàng tây 50%; 01 lắc vàng tây 70%; 01 mặt dây chuyền vàng trắng 30%; 01 đồng hồ đeo tay màu trắng hiệu GEGRGEFMDGE 132A; 01 đồng hồ đeo tay dây da màu đen hiệu ORIENT có tổng giá trị là **72.977.000đ**.

Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố A1 đã áp dụng điểm a, d, e khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Đỗ Phan T, Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H, Trần V, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th. Xử phạt các bị cáo Đỗ Phan T và Phạm Duy Kh mỗi bị cáo **08 (tám)** năm tù; xử phạt bị cáo Lưu Nguyễn Như X **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù; xử phạt các bị cáo Trương H, Trần V, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th mỗi bị cáo **07 (bảy)** năm tù đều về tội “*Cướp tài sản*”. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Từ ngày 12 đến ngày 19/6/2018, các bị cáo Lưu Nguyễn Như X, Đỗ Phan T, Phạm Duy Kh, Trần V, Trương H, Nguyễn Văn H đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Trong đó, bị cáo Kh còn xin được hưởng án treo. Đến ngày 26/6/2018, bị cáo Hà Phan Tiến Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn

Văn H vì không có tình tiết giảm nhẹ gì mới; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Phan Tiến Th vì mức hình phạt đối với bị cáo Th là mức thấp nhất của khung hình phạt và bị cáo không đủ điều kiện để hưởng mức hình phạt dưới khung. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H vì các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường khắc phục cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo X có ông bà nội là người có công với cách mạng; Bị cáo H phối hợp với cơ quan Công an bắt đối tượng đang bị truy nã, cứu giúp người bị nạn; để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Lưu Nguyễn Như X, Đỗ Phan T, Phạm Duy Kh, Trần V, Trương H và Nguyễn Văn H đều còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Đối với kháng cáo của bị cáo Hà Phan Tiến Th: Ngày 30/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 05/2018/HSPT-QĐ về việc chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị cáo Th nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo Hà Phan Tiến Th theo quy định chung.

Đối với bị cáo Trần V: Ngày 20/6/2018 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 07/9/2018 gia đình của Trần V có đơn trình bày với nội dung Trần V đã chết vào ngày 13/7/2018 và cung cấp Trích lục khai tử số 419/TLKT-BS ngày 18/7/2018 do UBND xã Vĩnh Ngọc cấp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 157, khoản 2 Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự giải quyết theo quy định chung.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ những hành vi đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; vật chứng và các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận, Tòa án nhân dân thành phố A1 đã xét xử các bị cáo Đỗ Phan T, Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H, Trần V, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th đều về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a, d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất ổn an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là những thanh niên với đầy đủ sức khỏe nhưng lười lao động, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của người khác trái pháp luật, thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm.

Tuy nhiên xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H đã tìm gặp xin lỗi những người bị hại, bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho những người bị hại, được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Ngoài ra, ngày 23/4/2015 bị cáo Trương H là người đã cung cấp thông tin, hợp tác với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nghệ An, bắt thành công một đối tượng đang trốn truy nã về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; ngày 20/7/2018 Trương H đã cứu sống người bị đuổi nước là anh P2 được Công an xã Vĩnh Hiệp xác nhận sự việc; Bị cáo Lưu Nguyễn Như X cung cấp tài liệu thể hiện ông nội ruột là LD được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, bà nội ruột là Phạm Thị H3 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Xét thấy các tài liệu, chứng cứ nêu trên là những tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng cho các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Riêng bị cáo Hà Phan Tiến Th, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có cung cấp chứng cứ thể hiện gia đình ông ngoại ruột là Phan Văn V có công với Nước và được Chính phủ tặng Bằng khen năm 1963. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt. Do không đủ điều kiện để xem xét cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Th.

Đối với các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H: Xét thấy quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Trần V đã chết vào ngày 13/7/2018, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 157, khoản 2 Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự giải quyết theo quy định chung.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc của các đối tượng trong vụ án này: Xét thấy quá trình điều tra, ngày 12/3/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố A1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 41/ĐTHS, Quyết định khởi tố bị can số 68/ĐTHS đối với Lê Văn Nh về hành vi “*Tổ chức đánh bạc*”. Ngày 02/5/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố A1 đã ra Quyết định khởi tố bổ sung vụ án hình sự số 02/ĐTHS và các Quyết định khởi tố bị can số 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152 đối với Lê Văn P, Hoàng Trọng N, Nguyễn Vũ L1, Đinh Võ Tiến Đ, Lê Nguyễn T1, Đỗ Phan T, Lưu Nguyễn Như X, Trần Mai Ph, Nguyễn Thanh H, Lê Minh P1 đều về hành vi “*Đánh bạc*” nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý. Xét thấy vụ việc đã được khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa được xử lý nên Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục điều tra, nếu có đủ căn cứ đề nghị xử lý theo quy định chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, d khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357; Điều 359 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H, sửa bản án sơ thẩm.

Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Trần V, hủy toàn bộ phần bản án sơ thẩm liên quan đến hình phạt của bị cáo Trần V.

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th, Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H đều phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a, d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th, Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H.

Áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trương H.

Áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lưu Nguyễn Như X, Trương H.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Phan T 08 (tám) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 23/9/2011.

- Xử phạt bị cáo Phạm Duy Kh 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 04/02/2011 đến ngày 23/9/2011.

- **Xử phạt bị cáo Lưu Nguyễn Như X 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 23/9/2011.

- **Xử phạt bị cáo Hà Phan Tiến Th 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/02/2011 đến ngày 20/9/2011.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 02/02/2011 đến ngày 30/9/2011.

- **Xử phạt bị cáo Trương H 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 01/02/2011 đến ngày 30/9/2011.

3. Các bị cáo Phạm Duy Kh, Lưu Nguyễn Như X, Trương H không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đỗ Phan T, Nguyễn Văn H, Hà Phan Tiến Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. A1;
- VKSND TP. A1;
- Công an TP. A1;
- Chi cục THADS TP. A1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long